

CHỦ ĐỀ 4: Mẹ và gia đình thân yêu của bé
Thời gian thực hiện: 4 Tuần (từ 2/12 đến 27/12/2024)

Mục tiêu giáo dục		Nội dung giáo dục	Hoạt động giáo dục	Điều chỉnh bổ sung
TT	Mục tiêu			
1. Lĩnh vực phát triển thể chất				
1	- Trẻ thực hiện được động tác trong bài thể dục: hít thở, tay, lưng/bụng và chân	- Hô hấp: Tập hít vào, thở ra. - Tay: giơ cao; đưa ra phía trước, đưa sang ngang, đưa ra sau kết hợp với lắc bàn tay. - Lưng, bụng, lườn: Cúi về phía trước, nghiêng người sang 2 bên, vịn người sang 2 bên. - Chân: Ngồi xuống, đứng lên, co duỗi từng chân.	- Hô hấp: + Tập hít vào, thở ra - Tay: + 2 tay giơ cao, hạ xuống. + 2 tay đưa ra phía trước, hạ xuống. + 2 đưa sang ngang, hạ xuống. - Lưng, bụng, lườn: + Cúi về phía trước. + Nghiêng người sang 2 bên. + Vịn người sang 2 bên. - Chân: + Ngồi xuống, đứng lên + Co duỗi từng chân.	
2	- Trẻ giữ được thăng bằng trong vận động đi/ chạy thay đổi tốc độ nhanh - chậm theo cô hoặc đi trong đường hẹp có bề vật trên tay.	* Tập đi, chạy - Chạy theo hướng thẳng * Tập nhún bật: - Bật xa bằng 2 chân	* Chơi – tập có chủ định: - Chạy theo hướng thẳng * Hoạt động chơi - TC: Gieo hạt; Bóng bay xanh.	
3	- Trẻ thực hiện phối hợp vận động tay - mắt: tung - bắt bóng với cô ở khoảng cách 1m; ném vào đích xa 1-1,2m.	* Tập tung, ném, bắt: - Ném bóng vào đích	* Chơi – tập có chủ định: -VĐ: Ném bóng vào đích * Hoạt động chơi - TC: Con rùa - TCM: Tắm cho em	
4	- Trẻ biết phối hợp tay, chân, cơ thể trong khi bò để giữ được vật đặt trên lưng.	* Tập bò, trườn - Trườn chui qua cổng	* Chơi – tập có chủ định: -VĐ: Trườn chui qua cổng * Hoạt động chơi - TC: Trời nắng, trời mưa	

6	- Trẻ biết vận động cổ tay, bàn tay, ngón tay - thực hiện “múa khéo”.	- Xoa tay, chạm các đầu ngón tay với nhau, rút, nhào, khuấy, đảo, vò xé	* Hoạt động chơi: - Chơi tự do ngoài trời - Chơi ở các khu vực chơi - HDG: Góc thao tác vai: Bế em, cho em ăn, nấu ăn... - TCM: Tắm cho em	
7	- Trẻ biết phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay và phối hợp tay - mắt trong các hoạt động: nhào đất nặn; vẽ tổ chim; khâu vòng tay, chuỗi đeo cổ...	- Nhón nhặt đồ vật. - Tập khâu, luồn dây, cài, cởi cúc, buộc dây - Tập cầm bút tô, vẽ. - Lật mở trang sách. - Đóng cọc bàn gỗ. - Chắp ghép hình. - Chồng, xếp 6 - 8 khối.	* Chơi – tập có chủ định: HĐVDV: - Xếp cái cổng - Khâu vòng xanh đỏ - Xếp ngôi nhà - Di màu chân dung mẹ * Hoạt động chơi - Chơi tự do ở các góc trong giờ đón, trả trẻ	
8	- Trẻ thích nghi với chế độ ăn cơm, ăn được các loại thức ăn khác nhau	- Làm quen với chế độ ăn cơm và các loại thức ăn khác nhau - Tập luyện nề nếp thói quen tốt trong ăn uống - Luyện một số thói quen tốt trong sinh hoạt: ăn chín, uống chín; rửa tay trước khi ăn; lau mặt, lau miệng, uống nước sau khi ăn; vứt rác đúng nơi quy định.	* Hoạt động ăn, ngủ, vệ sinh cá nhân. - Vệ sinh: Rửa tay (sau khi chơi, trước khi ăn, sau khi đi vệ sinh) - Thực hành rửa tay bằng xà phòng - Giờ ăn: Trò chuyện về các loại thức ăn, biết ăn chín, uống chín, ăn nhiều loại thức ăn. Trước khi ăn phải mời, khi được sự cho phép mới được ăn...	
9	- Trẻ biết ngủ 1 giấc buổi trưa	- Luyện thói quen ngủ 1 giấc trưa.	* Hoạt động ăn, ngủ, vệ sinh - Trong giờ ngủ: Rèn nề nếp, thói quen ngủ 1 giấc buổi trưa	
10	- Trẻ biết đi vệ sinh đúng nơi quy định.	- Tập đi vệ sinh đúng nơi quy định	* Hoạt động ăn, ngủ, vệ sinh cá nhân - Hoạt động vệ sinh: Tập cho trẻ thói quen đi vệ sinh đúng nơi quy định	
11	- Trẻ làm được một số việc với sự giúp đỡ của người lớn (lấy nước uống, đi vệ sinh...)	- Xúc cơm, uống nước - Tập một số thao tác đơn giản trong rửa tay, lau mặt. - Chuẩn bị chỗ ngủ	* Hoạt động ăn, ngủ, vệ sinh: - Giờ ăn: + Tổ chức giờ ăn cho trẻ.	

		- Tập nói với người lớn khi có nhu cầu ăn, ngủ, vệ sinh	+ Quan sát và đàm thoại với trẻ về cách sử dụng một số đồ dùng đúng cách và sử dụng được các từ: ca, cốc, bát, thìa.. + Thực hành: Sử dụng cốc uống nước, sử dụng bát, thìa ... - Giờ ngủ: Tập thói quen cho trẻ chuẩn bị chỗ ngủ như lấy/cất gối, lấy/ cất thảm... - Nói với cô giáo khi có nhu cầu đi vệ sinh, ăn, ngủ...	
12	- Trẻ chấp nhận: đội mũ khi ra nắng; đi giày dép; mặc quần áo ấm khi trời lạnh.	- Mặc quần áo đi dép, đi vệ sinh, cởi quần áo khi bị bẩn, khi bị ướt	* Hoạt động chơi: - Dạo chơi ngoài trời (đội mũ, mặc quần áo ấm khi ra ngoài trời chơi, cởi và thay quần áo khi bẩn dưới sự giúp đỡ của cô...) - Giờ đón, trả trẻ: Cho trẻ xem video dạy kỹ năng tự mặc và cởi quần áo và giáo dục trẻ: Không được vút dép, tắt, quần áo...phải cất vào tủ của mình, để đúng nơi quy định.	
13	- Trẻ biết tránh một số vật dụng, nơi nguy hiểm (bếp đang đun, phích nước nóng, xô nước, giếng) khi được nhắc nhở.	- Nhận biết một số vật dụng nguy hiểm, những nơi nguy hiểm không được phép sờ vào hoặc đến gần. - Nhận biết một số hành động nguy hiểm và phòng tránh.	* Hoạt động chơi: - Dạo chơi ngoài trời: Không dẫm lên hạt gạo, nơi trơn trượt, không lại gần bếp nóng, không leo trèo cây, lan can, cầu thang...	

14	- Trẻ biết và tránh một số hành động nguy hiểm (leo trèo lên lan can, chơi nghịch các vật sắc nhọn ...) khi được nhắc nhở	- Nhận biết một số hành động nguy hiểm và phòng tránh, khi được nhắc nhở.	* Hoạt động giao lưu cảm xúc: Không cầm chơi các vật sắc nhọn, không leo chèo nắp bể, giếng... - Giờ đón, trả trẻ: Cho trẻ xem video về một số tai nạn thường gặp, trò chuyện cùng trẻ. Cho trẻ xem video không được nghịch các vật sắc nhọn. - Giáo dục và nhắc nhở trẻ trong khi ăn không được nô đùa tránh hóc, sặc, không được ngậm thìa, không ăn canh nóng...	
2. Lĩnh vực phát triển nhận thức				
15	- Trẻ biết sờ, nắn, nhìn, nghe, để nhận biết đặc điểm nổi bật của đối tượng.	- Tìm đồ vật vừa mới cất giấu. - Nghe và nhận biết âm thanh của một số đồ vật quen thuộc - Sờ, nắn, nhìn... đồ vật, để nhận biết đặc điểm nổi bật. - Sờ, nắn đồ vật, để nhận biết cứng - mềm, trơn (nhẵn)-xù xì	* Hoạt động chơi– tập có chủ định: HDNB - Nhận biết đồ dùng để nấu ăn - Nhận biết đồ dùng để uống (cái cốc,...) - Trò chuyện về ông bà của bé - Trò chuyện về mẹ của bé - TCM: Đoán vật	
17	- Trẻ nói được tên của bản thân và những người gần gũi khi được hỏi	- Tên và công việc của những người thân gần gũi trong gia đình.	*Hoạt động chơi - tập có chủ định - Trò chuyện về mẹ của bé - Nhận biết về người thân trong gia đình - Rèn trẻ biết yêu thương giúp đỡ những người thân trong gia đình	
19	- Trẻ nói được tên và một vài đặc điểm nổi bật của các đồ vật quen thuộc	- Tên và một số đặc điểm nổi bật, công dụng của các đồ vật trong gia đình quen thuộc.	* Hoạt động chơi - tập có chủ định: Nhận biết một số đồ dùng trong gia đình (Hình tròn, hình vuông)	

21	Trẻ biết chỉ hoặc lấy hoặc cất đúng đồ chơi có kích thước (to/nhỏ) theo yêu cầu	- Hình tròn, hình vuông	* Hoạt động chơi – tập có chủ định - HĐVĐV: - Xếp cái cổng - Xâu vòng xanh đỏ - Xếp ngôi nhà - Di màu chân dung mẹ * Hoạt động chơi: - Dao chơi ngoài trời - Hoạt động góc(góc HĐVĐV: Chơi với các khối nhựa, hạt hạt, hạt đồ vật vào rổ theo yêu cầu của cô - Chơi theo ý thích cho trẻ nhặt phân loại hình tròn, hình vuông. - Chơi trong giờ đón, trả trẻ (Chơi tự do ở các góc)	
3. Lĩnh vực phát triển ngôn ngữ				
22	- Trẻ thực hiện được nhiệm vụ gồm 2-3 hành động. Ví dụ: “ Ăn xong cháu cất bát vào chậu rồi đi rửa mặt!”	- Nghe và thực hiện các yêu cầu bằng lời nói	* Hoạt động giao lưu cảm xúc: Trong giờ đón trả trẻ (Cất ba lô rồi vào ghế ngồi) * Hoạt động chơi - DCNT (Chơi tự do theo ý thích cất đồ chơi sau khi chơi xong và đi rửa tay) - HĐG (Chơi ở các góc chơi: Góc HĐVĐV cất khối nhựa, hạt hạt, nút nhựa....) - Giờ ăn: Cô cho trẻ thực hiện kê ghế, cất bát, rửa mặt... - Giờ ngủ: Trẻ cùng trải thảm, xếp gối theo yêu cầu của cô - Chơi - tập buổi chiều (Cất đồ chơi sau khi chơi xong)	
23	- Trẻ trả lời các câu hỏi: “Ai đây?”; “Cái gì đây?”; “...làm gì?”	- Nghe các câu hỏi: “Cái gì?”; “Làm gì?”; “Để làm gì?”	* Hoạt động giao lưu cảm xúc: Giao tiếp với trẻ trong giờ đón, trả trẻ	

	gì?"; "...thế nào?" (Ví dụ: "Ti vi dùng để làm gì"...)	gì?"; "Ở đâu?"; "Như thế nào?" - Nghe lời nói với sắc thái tình cảm khác nhau - Nghe các từ chỉ tên gọi đồ vật, sự vật, hành động quen thuộc	* Chơi – tập có chủ định: sử dụng được các từ: cái bát, cái thìa, giường, tủ... * Hoạt động chơi: - Chơi tự do ngoài trời. - Chơi ở các góc chơi theo ý thích - Nghe các câu hỏi: Cái bát này dùng để làm gì? Cô có cái gì đây? Giường này dùng để làm gì?...	
24	- Trẻ hiểu nội dung truyện ngắn đơn giản: Trả lời được các câu hỏi về tên truyện, tên và hành động của các nhân vật.	- Nghe các bài thơ, đồng dao ca dao, hò vè, câu đố, bài hát và truyện ngắn. - Lắng nghe khi người lớn đọc sách.	* Chơi – tập có chủ định: - Truyện: Vịt con lông vàng - Xem tranh ảnh video và gọi tên các nhân vật - Cho trẻ đọc các bài đồng dao ca dao hò vè (Nu na nu nống, kéo cưa lừa xẻ)	
25	- Trẻ phát âm rõ tiếng	- Phát âm các âm khác nhau - Đọc các đoạn thơ, bài thơ ngắn có câu 3-4 tiếng	* Hoạt động chơi - tập có chủ định: Thơ - Cháu yêu bà - Nụ cười của bé - Yêu mẹ - Xem tranh ảnh và phát âm các từ: đi làm, thịt cá, kê má, nụ cười, bông hoa, cả nhà...	
26	- Trẻ đọc được bài thơ, ca dao, đồng dao với sự giúp đỡ của cô giáo.			
27	- Trẻ nói được câu đơn, câu có 5 - 7 tiếng, có các từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm quen thuộc.	- Sử dụng các từ chỉ đồ vật, con vật đặc điểm, hành động quen thuộc trong giao tiếp	* Hoạt động giao lưu cảm xúc. - Giờ đón trẻ, trả trẻ * Hoạt động chơi - tập có chủ định * Hoạt động chơi * Hoạt động ăn, ngủ, vệ sinh - Nghe, hiểu, sử dụng được các từ: "Con chào cô", "Con chào bố",	

			“Con chào mẹ”, “Chào các bạn”, “Con uống nước”, “Con muốn đi vệ sinh”... + Cái bàn, cái ghế, cái cốc, cái tủ, cái giường...	
28	- Trẻ biết sử dụng lời nói với các mục đích khác nhau. + Chào hỏi, trò chuyện. + Bày tỏ nhu cầu của bản thân. + Hỏi về các vấn đề quan tâm như: “Cái gì đây?”, “Dùng để làm gì?”...	- Sử dụng các từ thể hiện sự lễ phép khi nói chuyện với người lớn. - Thể hiện nhu cầu, mong muốn và hiểu biết bằng 1-2 câu đơn giản và câu dài - Trả lời và đặt câu hỏi: “Cái gì?”; “Làm gì?”; “Ở đâu?”; “Thế nào?”; “Để làm gì?”; “Tại sao?” - Kể lại đoạn truyện được nghe nhiều lần, có gợi ý	* Hoạt động giao lưu cảm xúc. - Giờ đón trẻ, trả trẻ * Hoạt động chơi - tập có chủ định * Hoạt động góc, dạo chơi ngoài trời * Hoạt động ăn, ngủ, vệ sinh - Nghe, hiểu, sử dụng được các từ: “Con chào cô”, “Con chào bố”, “Con chào mẹ”, “Chào các bạn”, “Con uống nước”, “Con muốn đi vệ sinh”...	
29	- Trẻ nói to, đủ nghe, lễ phép.	- Xem tranh và gọi tên các nhân vật, sự vật, hành động gần gũi trong tranh.	* Hoạt động chơi tập có chủ định: + Truyện: Vịt con lông vàng + Thơ: Cháu yêu bà Nụ cười của bé Yêu mẹ - Hoạt động giao lưu cảm xúc: Chơi tự do ở các góc trong giờ đón, trả trẻ	
4. Lĩnh vực phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội				
32	- Trẻ có thể biểu lộ sự thích giao tiếp với người khác bằng cử chỉ, lời nói.	- Giao tiếp với những người xung quanh.	* Hoạt động giao lưu cảm xúc. - Giao tiếp trong giờ đón trẻ, trả trẻ * Hoạt động chơi – tập có chủ định - Thích trả lời các câu hỏi của cô * Hoạt động chơi	

			- Chơi ở các góc chơi tự do, dạo chơi ngoài trời * Hoạt động ăn, ngủ, vệ sinh cá nhân - Trong giờ ngủ - Trong giờ ăn + Thể hiện được nhu cầu của mình với cô giáo, với các bạn.	
36	- Trẻ biết chào, tạm biệt, cảm ơn, vâng ạ.	- Thực hiện một số hành vi văn hoá và giao tiếp: Chào tạm biệt, cảm ơn, nói từ “dạ”, “vâng ạ”; chơi cạnh bạn, không cầu bạn	* Hoạt động giao lưu cảm xúc. - Trong giờ đón trẻ, trả trẻ * Hoạt động ăn, ngủ, vệ sinh: Trong giờ ăn - Nghe, hiểu và sử dụng được các từ: Chào tạm biệt, cảm ơn, nói từ “dạ”, “vâng ạ”.	
37	- Trẻ biết thể hiện một số hành vi xã hội đơn giản qua trò chơi giả bộ (Trò chơi bế em, khuấy bột cho em bé, nghe điện thoại...)	- Giao tiếp với người xung quanh - Tập sử dụng đồ dùng, đồ chơi	* Hoạt động giao lưu cảm xúc. - Trong giờ đón trẻ, trả trẻ và giao tiếp với trẻ mọi lúc mọi nơi * Hoạt động chơi: - HĐG: Góc phân vai (Bế em, ru em ngủ, cho em ăn, tắm cho em, thay quần áo cho em, nấu ăn, bác sĩ khám bệnh...) - Nghe, hiểu và sử dụng được các từ: Bế búp bê, ru em ngủ.	
38	- Trẻ biết chơi thân thiện cạnh trẻ khác.	- Chơi thân thiện với bạn: chơi cạnh bạn, không tranh giành đồ chơi với bạn	* Hoạt động giao lưu cảm xúc - Chơi trong giờ đón trả trẻ. * Hoạt động chơi: - Chơi tự do các góc. - Chơi ngoài trời. - Chơi trò chơi mới.	
39		- Thực hiện yêu cầu đơn giản của giáo viên - Thực hiện một số quy định đơn giản trong sinh	* HĐ chơi - tập có chủ định	

	- Trẻ thực hiện một số yêu cầu của người lớn.	hoạt ở nhóm/lớp như: xếp hàng chờ đến lượt, để đồ chơi vào nơi quy định.	- Thực hành xếp thẳng hàng, tập bài tập vận động * Hoạt động chơi (Cắt đồ chơi “ HĐG, DCNT, chơi theo ý thích trong giờ đón, trả trẻ”) * Hoạt động ăn, ngủ, vệ sinh - Xếp hàng thẳng, chờ đến lượt rửa tay. Ví dụ: Thực hành: Xếp thẳng hàng, chờ đến lượt rửa tay...)	
40	- Trẻ biết hát và vận động đơn giản theo một vài bài hát / bản nhạc quen thuộc	- Hát và tập vận động đơn giản theo nhạc - Nghe hát, nghe nhạc với các giai điệu khác nhau. Nghe âm thanh của các nhạc cụ - Vẽ các đường nét khác nhau, di màu, nặn, xé, vò, xếp hình - Xem tranh	* Hoạt động chơi – tập có chủ định: Âm nhạc - Hát: Cà nhà thương nhau, cháu yêu bà - VĐTN: Chim mẹ chim con - DVĐ: Cháu yêu bà - NH: Mẹ yêu không nào, chiếc khăn tay * Hoạt động chơi - TC: Thi xem ai nhanh, ai đoán đúng * Hoạt động chơi – tập có chủ định: HĐVĐV - Xếp cái cổng - Xâu vòng xanh đỏ - Xếp ngôi nhà - Di màu chân dung mẹ * Hoạt động chơi: - HĐG (Góc nghệ thuật) - DCNT (Chơi tự do: Chơi với phấn, bóng, vòng.....)	
41	- Trẻ thích tô màu, vẽ, nặn, xé, xếp hình, xem tranh (cầm bút di màu, vẽ nguệnh ngoạc)			

Tổng: 32 mục tiêu

NGƯỜI LẬP

KÍ DUYỆT BGH

Lường Thị Tinh

Hoàng Thị Lệ Hằng